

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Kinh tế vĩ mô - 1104002

Mã lớp học phần: 110400201

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1510100032	Phạm Minh Tuấn Anh	10/9/1995		7	Bảy	C17QT	
2	1610100154	Đặng Ngọc Phương Ánh	06/11/1998		7	Bảy	C18QT	
3	1610100110	Trần Cao Ngọc Bình	29/04/1998		7	Bảy	C18QT	
4	1610110010	Nguyễn Thị Bích	02/07/1998		8	Tám	C18KT	
5	1610100081	Phạm Thị Diệp	18/08/1998		8	Tám	C18QT	
6	1610100149	Đoàn Thị Thanh Giang	12/12/1998		7,5	Bảy rưỡi	C18QT	
7	1610100105	Nguyễn Thanh Hà	25/02/1997		7	Bảy	C18QT	
8	1610100107	Đoàn Quang Hào	02/03/1998		7	Bảy	C18QT	
9	1610100158	Lương Tấn Hoài	20/06/1996		7,5	Bảy rưỡi	C18QT	
10	1610100038	Nguyễn Thị Kim Loan	13/02/1997		7	Bảy	C18QT	
11	1610100162	Phạm Thị Thủy Nga	20/05/1998		7	Bảy	C18QT	
12	1610100159	Lâm Thúy Nhi	13/05/1998		7	Bảy	C18QT	
13	1610100009	Võ Hoàng Oanh	25/10/1995		7	Bảy	C18QT	
14	1610100112	Hứa Thị Thu Thảo	22/8/1998				C18QT	
15	1610100015	Lê Thị Thương	07/01/1998		7	Bảy	C18QT	
16	1610100101	Huỳnh Ngọc Nhã Trúc	22/08/1998		7	Bảy	C18QT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____, Số bài thi: _____ / _____

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____ Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày 18 tháng 7 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

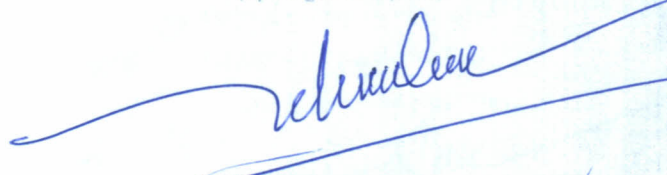
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Kim Ánh

Ngày 18 tháng 7 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Tiến Dũng



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Kinh tế vĩ mô - 1104002

Mã lớp học phần: 110400201

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Ngày thi: 26/07/2018

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 4

Giám thị 1: Trần Phú Dũ Ký tên: phn

Giám thị 2: Ngô N. Hra Ký tên: vt

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1510100032	Phạm Minh Tuấn Anh	10/9/1995	<u>AS</u>				C17QT	
2	1610100154	Đặng Ngọc Phương Ánh	06/11/1998	<u>2P</u>				C18QT	Nợ HP
3	1610100110	Trần Cao Ngọc Bình	29/04/1998	<u>B</u>				C18QT	
4	1610110010	Nguyễn Thị Bích	02/07/1998	<u>—</u>	<u>—</u>	<u>—</u>	<u>—</u>	C18KT	
5	1610100081	Phạm Thị Điệp	18/08/1998	<u>Phan Du</u>				C18QT	0029683 Nợ HP
6	1610100149	Đoàn Thị Thanh Giang	12/12/1998	<u>Thanh</u>				C18QT	
7	1610100105	Nguyễn Thanh Hà	25/02/1997	<u>HN</u>				C18QT	Nợ HP
8	1610100107	Đoàn Quang Hào	02/03/1998	<u>Hào</u>				C18QT	
9	1610100158	Lương Tấn Hoài	20/06/1996	<u>Lương Tấn</u>				C18QT	
10	1610100038	Nguyễn Thị Kim Loan	13/02/1997	<u>Kim Loan</u>				C18QT	
11	1610100162	Phạm Thị Thủy Nga	20/05/1998	<u>Nga</u>				C18QT	
12	1610100159	Lâm Thủy Nhi	13/05/1998	<u>Nh</u>				C18QT	
13	1610100009	Võ Hoàng Oanh	25/10/1995	<u>Oanh</u>				C18QT	
14	1610100112	Hứa Thị Thu Thảo	22/8/1998	<u>—</u>	<u>—</u>	<u>—</u>	<u>—</u>	C18QT	Nợ HP
15	1610100015	Lê Thị Thương	07/01/1998	<u>Thư</u>				C18QT	Nợ HP
16	1610100101	Huỳnh Ngọc Nhã Trúc	22/08/1998	<u>Trúc</u>				C18QT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 14 vắng thi: 02 Số bài thi/Số tờ: 14 / 14

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 1 tháng 8 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Ánh

Ngày 1 tháng 8 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

TRƯỜNG CD BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: HKIII (2017 - 2018)

TRƯỜNG CD BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

Môn học: Kinh tế vi mô

Mã bài thi: WK4IW3

Thời gian thi: 26/07/2018 09:30:00

Thời gian kết thúc: 26/07/2018 10:30:00

Giám thị 1: Ng. T. N. H. Ký tên: Ng. T. N. H.

Giám thị 2: Trần Phú D. Ký tên: Trần Phú D.

Giám thị 3: Trần Thị Tuyết Ký tên: Trần Thị Tuyết

Giám thị 4: Thái Tiến H. Ký tên: Thái Tiến H.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1510100032	Phạm Minh Tuấn Anh	10/09/1995		4		C17QT	
2	1710100040	Châu Nguyễn Kim Anh	14/10/1999		2		C19QT1	
3	1610100154	Đặng Ngọc Phương Anh	06/11/1998		4.8		C18QT	
4	1710100039	Mohamad Aziz	14/03/1999		2.8	— Không hợp	C19QT1	Điểm
5	1610100110	Trần Cao Ngọc Bình	29/04/1998		3.8		C18QT	
6	1710100036	Nguyễn Văn Điền	29/08/1997		4.4		C19QT1	
7	1610100081	Phạm Thị Diệp	18/08/1998		3.4		C18QT	
8	1610100149	Đoàn Thị Thanh Giang	12/12/1998		4.2		C18QT	
9	1610100105	Nguyễn Thanh Hà	25/02/1997		4.4		C18QT	
10	1610100107	Đào Quang Hào	02/03/1998		3.8		C18QT	
11	1610100158	Lương Tân Hoài	20/06/1996		4.2		C18QT	
12	1710100018	Lâm Lê Huy Hoàng	27/08/1999		5.2		C19QT1	
13	1710100004	Trần Thanh Liêm	30/12/1999		4.8		C19QT1	
14	1610100038	Nguyễn Thị Kim Loan	13/02/1997		5		C18QT	
15	1710100035	Huỳnh Thị Kim Loan	10/09/1999		5.2		C19QT1	
16	1710100003	Huỳnh Thị Kiều Mai	13/03/1999		4		C19QT1	
17	1710100030	Ksor Kpă Misian	06/06/1995		4.6		C19QT1	
18	1610100162	Phạm Thị Thúy Nga	20/05/1998		3.6		C18QT	
19	1610100159	Lâm Thúy Nhi	13/05/1998		4.2		C18QT	
20	1710100013	Võ Thị Yến Nhi	01/01/1999		4.6		C19QT1	
21	1710100037	Trần Quốc Nhơn	23/04/1998		5.4		C19QT1	
22	1610100009	Võ Hoàng Oanh	25/10/1995		4.4		C18QT	
23	1710100009	Ngô Tấn Phát	30/07/1998		3.4		C19QT1	
24	1710100022	Trần Thị Thùy Phương	27/10/1999		3.8		C19QT1	
25	1710100033	Đặng Tú Quyên	30/01/1998		4.6		C19QT1	
26	1710100031	Trần Thị Ngân Tâm	25/06/1999		4.2		C19QT1	
27	1710100019	Nguyễn Thị Phương Thảo	29/03/1999		5		C19QT1	
28	1710100029	Trịnh Kim Thi	11/02/1999		4.8		C19QT1	
29	1710100006	Nguyễn Thị Xuân Thu	01/01/1999		2.4		C19QT1	
30	1610100015	Lê Thị Thương	07/01/1998		4.2		C18QT	
31	1710100014	Nguyễn Thị Phương Thùy	03/01/1999		4.8		C19QT1	
32	1710100024	Trần Thị Thanh Trà	01/12/1999		3.8		C19QT1	
33	1610100101	Huỳnh Ngọc Nhà Trúc	22/08/1998		3.2		C18QT	
34	1710100027	Cao Dũ Nhựt Trường	12/12/1998		3.6		C19QT1	
35	1710100012	Phan Thị Cẩm Tú	14/11/1999		5.6		C19QT1	
36	1710100021	Lê Trần Kim Vân	21/08/1999		4.4		C19QT1	
37	1710130018	Trương Công Vinh	29/04/1999		5		C19TA	
38	1710100001	Đinh Minh Vũ	06/05/1998		3		C19QT1	

Số sinh viên dự thi: 38

Số sinh viên đạt: 25

Ngày 26 tháng 7 năm 2018

Ngày 26 tháng 7 năm 2018